

Bản án: **15/2026/DS- ST**

Ngày 13/4/2026

“*V/v Tranh chấp hợp đồng vay TS*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Toàn;

Các Hội thẩm nhân dân : 1) Bà Nguyễn Thị Bắc; 2) bà Hoàng Thị Việt Hà;

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Trang – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 270/2025/TLST- DS, ngày 31/10/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2026/QĐXXST-DS, ngày 03 tháng 02 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: **12/2026/QĐHPT-DS**, ngày 09 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị M, sinh năm 1974; CCCD số 024174007052;
Địa chỉ thường trú: Tổ dân phố T, phường P, tỉnh Bắc Ninh.

- *Bị đơn:* Bà Lý Thị H, sinh năm 1981; CCCD số 024181010927;
Anh Vũ Văn N, sinh năm 2003; CCCD số 024203015084;
Địa chỉ thường trú: Tổ dân phố S, phường C, tỉnh Bắc Ninh.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Từ Văn N1, sinh năm 1972; CCCD số 024072014770;
Địa chỉ thường trú: Tổ dân phố T, phường P, tỉnh Bắc Ninh.

2. Anh Vũ Văn M1, sinh năm 2000; CCCD số 024200013174;
Địa chỉ thường trú: Tổ dân phố S, phường C, tỉnh Bắc Ninh.

(bà M, ông N1 có đơn xét xử vắng mặt; bà H, anh N, anh M1 vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

[1] Theo đơn khởi kiện, lời trình bày trong quá trình tham gia tố tụng bà Trần Thị M trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết, ngày 24/02/2022 bà cho bà Lý Thị H, anh Vũ Văn N vay số tiền 253.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 20%/năm, thời hạn trả nợ là 01 năm, hai bên có viết giấy vay tiền ký nhận với nhau. Khi đến hạn thanh toán bà đòi nhiều lần nhưng bà H, anh N vẫn chưa trả cho bà được tiền gốc và lãi đồng nào.

Nay bà yêu cầu bà H, anh N phải trả cho bà toàn bộ số tiền nợ gốc là 253.000.000 đồng; tiền lãi bà yêu cầu trả theo lãi suất thỏa thuận 20%/năm đối với số tiền gốc vay 253.000.000đ từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

[2] Bị đơn: Bà Lý Thị H và anh Vũ Văn N hiện không có mặt tại nơi cư trú, Tòa án đã niêm yết văn bản tại địa phương thông báo về việc thụ lý vụ án, các giấy triệu tập, thông báo phiên bà H, anh N biết đến làm việc tại Tòa án nhưng vẫn vắng mặt. Hoaf vẫn v, nên Tòa án không thu thập được lời khai của bà H, anh N.

[3] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Từ Văn N1 (là chồng bà M nguyên đơn): Lời trình bày và quan điểm đưa ra như bà M trình bày.

- Anh Vũ Văn M1 (con bà H bị đơn) hiện không có mặt tại nơi cư trú, Tòa án đã niêm yết văn bản tại địa phương thông báo về việc thụ lý vụ án, các giấy triệu tập, thông báo phiên anh M1 biết đến làm việc tại Tòa án nhưng vẫn vắng mặt. Hoaf vẫn v, nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh M1.

[4] Tại phiên toà hôm nay nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

[5] Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về tố tụng và quan điểm việc giải quyết vụ án như sau:

Về Tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến kết thúc phần tranh luận chuyển vào nghị án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn bà M, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông N1 thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng theo quy định theo Điều 70, 71, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà H, anh N, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh M1 không đến làm việc theo triệu tập của Tòa án là vi phạm về nghĩa vụ theo Điều 70, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 26; 35; 144, 147, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 463, khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội; Điều 12 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ – UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị M đối với bị đơn bà Lý Thị H và anh Vũ Văn N: Buộc bà Lý Thị H, anh Vũ Văn N phải trả cho bà M, ông N1 số tiền nợ là 253.000.000đồng, tiền lãi là 209.426.000đ; tổng tiền gốc + lãi là 468.046.000đ.

Về lãi suất chậm Thi hành án: Theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Về án phí: Bà H, anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà M tiền tạm ứng án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà M khởi kiện bà H, anh N tại Tòa án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh về việc bà H, anh N vay tiền không trả; bà H, anh N hiện đang cư trú tại phường C, tỉnh Bắc Ninh. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà M, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông N1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn bà H đã xuất cảnh đi nước ngoài lần gần nhất từ ngày 11/8/2022 đến nay chưa nhập cảnh về nước; anh N đã xuất cảnh đi nước ngoài lần gần nhất từ ngày 15/10/2024 đến nay chưa nhập cảnh về nước, gia đình bà H, anh N không cung cấp được địa chỉ. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh M1 vắng mặt lần 2 không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù bị đơn bà Lý Thị H, anh Vũ Văn N đã được Tòa án tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng bà Lý Thị H, anh Vũ Văn N không đến Tòa án để làm việc, không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nào và cũng không thể hiện quan điểm của mình trước yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp gồm: Bản gốc “Giấy vay tiền ngày 24/02/2022” có chữ ký, chữ viết của bà H, anh N tại mục “*Người vay*”, thì có cơ sở xác định giữa các bên đã phát sinh hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự.

Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì nghĩa vụ chứng minh: “*Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án, tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp*”.

Ngày 24/02/2022, bà Trần Thị M cho bà Lý Thị H, anh Vũ Văn N vay số tiền 253.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 20%/năm, thời hạn trả nợ là 01 năm, hai bên có viết giấy vay tiền ký nhận với nhau. Khi đến hạn thanh toán bà M đòi nhiều lần nhưng bà H, anh N không trả cho bà M được tiền gốc và lãi nào nên bà M khởi kiện.

Theo thỏa thuận, bị đơn có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền vay theo thời hạn đã cam kết, tuy nhiên đến nay vẫn chưa thực hiện. Việc bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay 253.000.000đ và tiền lãi là có căn cứ được chấp nhận.

Về yêu cầu tiền lãi suất: Theo giấy vay tiền hai bên thỏa thuận mức lãi suất là 20%/năm, thời hạn vay là 01 năm tính từ ngày cho vay, người vay phải có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền vay và tiền lãi phát sinh cho người cho vay vào ngày cuối cùng của kỳ hạn vay 24/02/2023.

Tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định lãi suất vay do các bên thỏa thuận như sau: “*1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác*”.

Các bên cho nhau vay có thỏa thuận mức lãi suất, do đó yêu cầu tính tiền lãi của bà M đối với bà H, anh N là có căn cứ được chấp nhận. Căn cứ vào khoản 2 Điều 468 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì tính lãi suất chậm trả như sau:

Tính từ ngày 24/02/2022 đến ngày 13/4/2026 là 04 năm 01 tháng 20 ngày, với mức lãi suất 20%/năm, 1,66666%/tháng, 0,05555%/ngày, tương ứng với thời gian chậm trả: Tiền vay 253.000.000đ x 20% x 04 năm = 202.400.000đ; Tiền vay 253.000.000đ x 1,66666% x 1 tháng = 4.216.000đ; Tiền vay 253.000.000đ x 0,05555% x 20 ngày = 2.810.000đ; Tổng tiền lãi là 209.426.000đ.

Tổng cộng tiền gốc, lãi bà H, anh N phải trả cho bà M, ông N1 là **462.426.000 đồng(bốn trăm sáu mươi hai triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn đồng).**

Về lãi suất chậm Thi hành án: Các bên không có thỏa thuận về mức lãi suất nên áp dụng theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà H, anh N phải chịu tiền án phí DSST theo khoản 2 Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/NQ – UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Hoàn trả bà Trần Thị M số tiền đã nộp tạm ứng án phí DSST.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà H, anh N đang ở nước ngoài nên có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; 35; 144, 147, 228, 271, 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 357, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự. Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội; Khoản 2 Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/NQ – UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị M đối với bị đơn bà Lý Thị H, anh Vũ Văn N.

Buộc bà Lý Thị H, anh Vũ Văn N phải trả cho bà Trần Thị M, ông Từ Văn N1 số tiền nợ gốc là 253.000.000đ + tiền lãi là 209.426.000đ; tổng tiền gốc + lãi **Tổng cộng số tiền là 462.426.000 đồng(bốn trăm sáu mươi hai triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn đồng).**

Về nghĩa vụ chậm Thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

[2]. Về án phí: Bà Lý Thị H, anh Vũ Văn N phải chịu 22.720.000đ (hai mươi hai triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng) tiền án phí DSST. Hoàn trả bà Trần Thị M số tiền 10.686.320đ đã nộp tạm ứng án phí DSST theo biên lai số 00002728 ngày 30/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

[3]. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết; Bà H, anh N đang ở nước ngoài vắng mặt có quyền kháng cáo bản án là 01 tháng kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết hợp lệ./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 5 - BN;
- Phòng Thi hành án DS khu vực 5 – BN;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, AV.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Toàn

